TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **30/**2024/HS-ST
Ngày: **20-8-2024**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T , TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Chiến**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Phan Thị Trúc Phương**

2. Bà **Phạm Thị Lệ Hoa**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Chi** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát *nhân dân huyện T , tỉnh Kiên Giang* tham gia phiên tòa: Ông **Lê Anh Vũ** - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 30/2024/TLST-HS ngày 23 tháng 7 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 27/2024/ HSST-QĐ ngày 31 tháng 7 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Đặng Văn T - sinh ngày 14/02/1992. Giới tính: Nam;

Nơi cư trú: Tổ 18, ấp T , xã T , huyện T , tỉnh Kiên Giang; Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Không. Trình độ học vấn: 6/12. Con ông Đặng Văn T, sinh năm 1970 và bà Phùng Thúy L, sinh năm 1973. Vợ: Phạm Ngọc H (đã ly hôn). Con 02 người, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2014.

Tiền sự: Không. Tiền án: Ngày 05/10/2021, bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Long An xử phạt 06 (sáu) tháng 06 (sáu) ngày tù bằng thời hạn tạm giam về Tội trộm cắp tài sản theo bản án số 60/2021/HS-ST, đã xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/5/2024, đến ngày 14/5/2024 chuyển tạm giam đến nay.

2. Trương Công D - sinh ngày 20/4/1995. Giới tính: Nam;

Nơi cư trú: Tổ 13, ấp T , xã T , huyện T , tỉnh Kiên Giang. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Thiên Chúa. Nghề nghiệp: Không. Trình độ học vấn: 8/12. Con ông Trương Văn L, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1965. Bị cáo là con duy nhất.

Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/5/2024, đến ngày 14/5/2024 chuyển tạm giam đến nay. *(Hai bị cáo có mặt).*

** Người bị hại:*

Huỳnh Công H - sinh năm 1997 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T , xã T , huyện T , tỉnh Kiên Giang.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. **Trịnh Thị Trúc M** - sinh năm 1984 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T , xã T , huyện T , tỉnh Kiên Giang.

2. **Nguyễn Minh L** - sinh năm 1991 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp C , xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

** Người làm chứng:*

1. **Huỳnh Văn T** - sinh năm 1987 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

2. **Nguyễn Văn T** - sinh năm 1972 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Đ, xã T , huyện T , tỉnh Kiên Giang.

3. **Nguyễn Văn D** - sinh năm 1976 (có mặt)

Địa chỉ: ấp T , xã T , huyện T , tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 05/5/2024, sau khi ông Huỳnh Công H đi uống bia cùng chị họ là bà Trịnh Thị Trúc M thì bà M giao xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Vision biển số 68T1-284.54 của bà M cho anh H điều khiển về nhà. Bà M không về nhà mà tiếp tục đi ăn uống cùng với bạn. Trong khi đó, ông H điều khiển xe về đậu trên sân ở trước nhà của bà M, nghĩ rằng bà M sẽ về nhà nên để sẵn chìa khóa ở trên xe, không thông báo cho bà M biết mà đi bộ về nhà ở gần đó ngủ. Đến khoảng 02 giờ ngày 06/5/2024, Đặng Văn T đến nhà của người bạn tên K tại ấp T , xã T gặp Trương Công D để trả lại xe mô tô loại Wave Trung Quốc, màu đỏ, biển số 68F5-2950 mà trước đó T mượn của D để sử dụng. Khi gặp D, T nói với D có một chiếc xe mô tô đậu ở ngoài đường có sẵn chìa khóa, không có người trông giữ và rủ D cùng đi lấy trộm bán lấy tiền tiêu xài, D đồng ý đi cùng. Danh điều khiển xe mô tô của D chở T đi qua khỏi vị trí xe mô tô mà T phát hiện một đoạn khoảng 30 mét sau đó quay trở lại chạy đến vị trí đậu xe rồi dừng lại. T xuống xe, quan sát thấy không có người liền đi bộ, lén lút tiếp cận lấy trộm xe mô tô chạy ra hướng Kinh Đòn Dông và chạy theo Kinh Zero qua Quốc lộ 80 đến đậu ở hẻm gần nhà của ông Nguyễn Văn T ở Chợ Kinh 6 thuộc ấp Đ, xã T , huyện T , riêng D điều khiển xe mô tô loại Wave Trung Quốc, màu đỏ, biển số 68F5-2950 chạy về đậu trước nhà trả cho cậu ruột là ông Nguyễn Văn D .

Khoảng 05 giờ cùng ngày, T đi xe ôm đến nhà của D để kêu D cùng đi đến huyện G, tỉnh Kiên Giang bán xe mô tô. Sau khi đến con hẻm trong chợ Kinh 6 lấy

xe, cả hai điều khiển xe đi huyện G. Khoảng 08 giờ cùng ngày, D và T đến Chợ Giồng Riềng tìm gặp một người bạn quen biết ngoài xã hội của T tên là Hòn *(tên gọi khác là Hột Vịt chưa rõ lai lịch)*, D nói dối với Hòn đây là xe của vợ D, nhờ Hòn tìm nơi cầm xe nên Hòn đồng ý giúp. Sau đó, Hòn điều khiển xe chở D đến tiệm sửa xe của ông Nguyễn Minh L , sinh năm 1991, cư trú tại ấp C, xã T, huyện G để cầm cố xe mô tô cho ông L, T ngồi đợi ở quán bún trong chợ G. Nghe D nói nguồn gốc xe và có giấy tờ nên ông L đồng ý cầm xe với số tiền 8.000.000 đồng *(Tám triệu đồng)* và gọi điện thoại cho bạn là ông Huỳnh Văn T, chủ tiệm cầm đồ "Huỳnh Gia" ở tại ấp C, xã T, huyện G để nhờ ông T làm thủ tục cầm chiếc xe với giá 8.000.000 đồng *(Tám triệu đồng)*, ông T đồng ý. L điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Vision biển số 68T1-284.54 chở D đi đến tiệm cầm đồ gặp ông T. Tại đây, D không cầm nữa mà đề nghị bán xe. Ông T hỏi nguồn gốc xe thì D nói là xe mô tô của vợ, có cả giấy tờ gốc nên ông T tin tưởng. Do xe của vợ ông L bị hư hỏng nên ông T đề nghị ông L mua để cho vợ sử dụng đi lại, ông L đồng ý mua với giá 12.000.000 đồng *(Mười hai triệu đồng)* và mượn 12.000.000 đồng *(Mười hai triệu đồng)* của ông T để trả cho D. D giao xe cùng giấy đăng ký xe mô tô gốc, bản sao căn cước công dân của bà Trịnh Thị Trúc M có sẵn trong cốp xe cho ông L và nhận tiền. Sau khi về tiệm sửa xe của ông L, D đưa hết 12.000.000 đồng *(Mười hai triệu đồng)* cho T, T đưa cho D 2.500.000 đồng *(Hai triệu năm trăm nghìn đồng)*, số tiền còn lại T cất giữ. Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, Đặng Văn T , Trương Công D biết sự việc đã được phát hiện nên đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T khai nhận hành vi phạm tội và giao nộp phần tiền bán xe còn lại cho Cơ quan điều tra và bị tạm giữ.

Tại biên bản kết quả xét nghiệm chất ma túy ngày 06/5/2024 tại Công an huyện T , Đặng Văn T và Trương Công D dương tính với chất ma túy, loại Methamphetamine.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T , tỉnh Kiên Giang tiến hành thu giữ vật chứng là xe mô tô mà các bị cáo đã trộm cắp để yêu cầu định giá:

Tại Kết luận định giá số 14/2024/KL-HĐĐG ngày 08/5/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết luận giá trị của 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Vision, đã qua sử dụng, số máy JF58E828875, số khung 5800EY828837, màu Đen, biển số 68T1-284.54 có giá trị tại thời điểm xảy ra vụ án là 15.000.000 đồng. *Tổng giá trị tài sản cần định giá* ***15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng chẵn).***

* Cáo trạng số 29/CT-VKSTH ngày 22/7/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T , tỉnh Kiên Giang truy tố hai bị cáo Đặng Văn T và Trương Công D về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với hai bị cáo. Sau khi phân tích và đánh giá mức độ thực hiện hành vi phạm tội của hai bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T đề nghị Hội

đồng xét xử:

* Tuyên xử các bị cáo Đặng Văn T và Trương Công D phạm tội "Trộm cắp tài sản"

Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Đề nghị xử phạt bị cáo Đặng Văn T mức án từ 12 tháng đến 18 tháng tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 06/5/2024.

Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Đề nghị xử phạt bị cáo Trương Công D mức án từ 09 tháng đến 12 tháng tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 06/5/2024.

**** Về trách nhiệm dân sự:***

Bị hại là ông Huỳnh Công H không bị thiệt hại trong vụ án nên đã làm đơn không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trịnh Thị Trúc M có đơn không yêu cầu bồi thường.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Minh L yêu cầu bị cáo Trương Công D phải bồi thường số tiền 12.000.000 đồng *(Mười hai triệu đồng).* Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông L số tiền 10.650.000 đồng *(Mười triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng)* mà các bị cáo tự nguyện giao nộp, số tiền 1.350.000 *đồng (Một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng)* còn lại, bà Phùng Thúy L là mẹ ruột của của bị cáo Đặng Văn T đã bồi thường 1.200.000 đồng *(Một triệu hai trăm nghìn đồng),* bị cáo Trương Công D bồi thường 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng).* Ông L đã nhận đủ số tiền yêu cầu bồi thường và không có yêu cầu gì khác.

Tại phần nói lời sau cùng, hai bị cáo đã nhận thức rõ hành vi sai trái của mình và mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho hai bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T , Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T , Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với nội dung bản Cáo trạng, kết luận điều tra, cùng các chứng cứ đã thu thập được có

trong hồ sơ và vật chứng đã thu giữ. Từ đó có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 02 giờ 00 phút ngày 06/5/2024, bị cáo Đặng Văn T và bị cáo Trương Công D lấy trộm 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Vision màu đen, biển kiểm soát 68T1-284.54 trị giá 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) của ông Huỳnh Công H mượn của bà M đang đậu ở trước sân nhà số 401 thuộc ấp T , xã T , huyện T sau đó đem xe đi bán được 12.000.000 đồng *(Mười hai triệu đồng)* chia nhau tiêu xài.

Hành vi của hai bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố hai bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét về tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của hai bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, hai bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý, đã lén lút trộm cắp tài sản của bị hại một cách trái pháp luật. Vì vậy, cần có hình phạt tương xứng với hành vi của hai bị cáo để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hai bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, hai bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; trình độ học vấn thấp, đã bồi thường thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra, nên hai bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo Trương Công D phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhân thân tốt, không tiền án tiền sự, nên bị cáo được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đối với tình tiết đầu thú Viện kiểm sát áp dụng cho hai bị cáo Đặng Văn T và Trương Công Danh, và tại phiên toà hai bị cáo khai nhận sau khi biết sự việc đã được phát hiện và được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T mời lên làm việc hai bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, Hội đồng xét xử nhận thấy sau khi hành vi phạm tội bị phát hiện và được Cơ quan Công an mời lên làm việc hai bị cáo mới khai báo về hành vi phạm tội, nên Hội đồng xét xử không áp dụng tình tiết giảm nhẹ là đầu thú với hai bị cáo mà chỉ xem đó là tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Huỳnh Công H không bị thiệt hại trong vụ án nên đã làm đơn không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trịnh Thị Trúc M có đơn không yêu cầu các bị cáo bồi thường.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Minh L yêu cầu bị cáo Trương Công D phải bồi thường 12.000.000 đồng *(Mười hai triệu đồng)*. Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông Nguyễn Minh L số tiền 10.650.000 đồng (Mười triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) mà các bị cáo tự nguyện giao nộp, số tiền 1.350.000 đồng (Một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) còn lại bà Phùng Thúy L là mẹ ruột

của bị cáo Đặng Văn T đã bồi thường 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng), bị cáo Trương Công D bồi thường 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Ông L đã nhận đủ số tiền yêu cầu bồi thường và không có yêu cầu gì khác; nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[6] Đồ vật tài liệu tạm giữ trong vụ án: Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Vision màu đen, biển kiểm soát 68T1-284.54, số khung 5800EY828837, số máy JF58E828875; 01 (một) căn cước công dân photo số căn cước 091184013915 của Trịnh Thị Trúc M; 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô số 010193 đăng ký xe biển số 68T1-284.54 mang tên Trịnh Thị Trúc M và 01 (một) chìa khóa xe nhãn hiệu Honda có móc khóa hình quả sầu riêng, trong quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã trả lại bà Trịnh Thị Trúc M; là phù hợp.

Đối với số tiền Việt Nam 10.650.000 đồng *(Mười triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng)* gồm: 8.300.000 đồng *(Tám triệu ba trăm nghìn đồng)* của bị cáo Đặng Văn T và 2.350.000 đồng *(Hai triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng)* của bị cáo Trương Công D tự nguyện giao nộp, đây là tiền các bị cáo bán xe mô tô lấy trộm được cho anh Nguyễn Minh L mà có, Cơ quan điều tra đã trao trả lại cho anh L, là phù hợp.

Đối với xe mô tô loại Wave Trung Quốc màu đỏ, biển kiểm soát 68F5-2950 mà bị cáo Trương Công D sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản, qua xác minh là xe của ông Nguyễn Văn D , sinh năm 1976, thường trú tại ấp T , xã T , huyện T , tỉnh Kiên Giang, là cậu ruột của bị cáo D. Ông D thường đậu xe ở trước nhà, không biết bị cáo D tự ý lấy sử dụng xe để làm phương tiện đi trộm cắp, nên không có căn cứ xử lý đối với ông Nguyễn Văn D và cũng không tiến hành tạm giữ chiếc xe trên, là phù hợp.

Đối với người tên Hòn, Nguyễn Minh L và Huỳnh Văn T không biết xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Vision màu đen, biển kiểm soát 68T1-284.54 do các bị cáo lấy trộm nên không xử lý về tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của các bị cáo, Cơ quan điều tra đã chuyển hồ sơ về Công an xã T , huyện T đề nghị xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền; là phù hợp.

[7] Về án phí: Hai bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Đặng Văn T và Trương Công D phạm tội "Trộm cắp tài sản"

1.1 Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo **Đặng Văn T 01 (một) năm** tù. Thời hạn tù được tính từ ngày

bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 06/5/2024.

1.2 Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo **Trương Công D 09 (chín) tháng** tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 06/5/2024.

2. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc hai bị cáo Đặng Văn T và Trương Công D, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Hai bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện T ;
- Chi cục THADS huyện T ;
- Công an huyện T ;
- Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Chiến